

## VIỆC TỔNG HỢP NGÔN NGỮ NHIỀU THỂ LOẠI KHÁC NHAU TRONG VĂN XUÔI HIỆN THỰC 1940-1945:

Vũ Khắc Chương

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

(Bài nhận ngày 27 tháng 8 năm 2001, hoàn chỉnh sửa chữa ngày 8 tháng 10 năm 2001)

### TÓM TẮT:

*Sự chứa đựng ngôn ngữ nhiều thể loại khác nhau trong ngôn ngữ văn xuôi hiện thực 1940 – 1945 là một hiện tượng khá đặc biệt.*

*Trong ngôn ngữ văn xuôi hiện thực 1940 – 1945 đã có ngôn ngữ các thể loại nghệ thuật. Đây là ngôn ngữ các thể loại gần gũi với thể loại tự sự: ngôn ngữ thể tự truyện, ngôn ngữ thể phóng sự. Đây còn là ngôn ngữ các thể loại khá xa lạ với thể loại tự sự: ngôn ngữ thơ, ngôn ngữ kịch.*

*Mặt khác, trong ngôn ngữ văn xuôi hiện thực 1940 – 1945 còn có ngôn ngữ các thể loại phi nghệ thuật. Đây là ngôn ngữ của thể loại văn chính luận. Đây còn là ngôn ngữ đường phố, ngôn ngữ lời ăn tiếng nói nhân dân.*

*Sự tổng hợp ngôn ngữ nhiều thể loại khác nhau trong ngôn ngữ văn xuôi hiện thực 1940 – 1945 đã cho thấy ngôn ngữ tự sự dân tộc thực sự đã phát triển và mang tính hiện đại.*

### BÀI VIẾT:

Một trong những đặc điểm cho thấy sự phát triển của ngôn ngữ tự sự là khả năng chứa đựng ngôn ngữ nhiều thể loại khác nhau trong tác phẩm. Ngôn ngữ văn xuôi hiện thực 1940-1945, nếu xét ở khía cạnh này, thực sự là một hiện tượng ngôn ngữ phát triển.

Đầu tiên là những hình thức ngôn ngữ khá gần gũi với ngôn ngữ tự sự ; ngôn ngữ thể tự truyện , ngôn ngữ thể phóng sự . Văn xuôi hiện thực 1940 – 1945 có khá nhiều tác phẩm tự truyện : “*Những người thơ ấu*” , “*Cỏ dại*” , “*Sống nhờ*” . . . Ngôn ngữ thể tự truyện thường có sự miêu tả và kể về chính mình . “*Ông bà ngoại tôi có nếp nhà gạch cũ . Người ta thường đồn rằng tuổi đó dễ đã đến ngoài một trăm năm.*” (Cỏ dại ) “*Bà tôi là con gái một gia đình cũng tạm đủ ăn . Lấy chồng từ năm gần hai mươi, bà tôi đã ra ruộng làm lụng*” . (Sống nhờ) “*Thầy tôi làm cai ngục , mẹ tôi con nhà mua bán*” (Những ngày thơ ấu) . Đây cũng là hình thức ngôn ngữ mới xuất hiện trong ngôn ngữ tự sự dân tộc .

Hình thức ngôn ngữ thứ hai cũng đã thấy xuất hiện trong văn xuôi hiện thực 1940 – 1945 là ngôn ngữ phóng sự . Các nhà văn trước 1940 như Vũ Trọng Phụng , Nguyễn Công Hoan , Ngô Tất Tố đều đã đem chất phóng sự vào tác phẩm nhưng các tác phẩm có đặc điểm này chỉ là một phần sáng tác trong toàn bộ sáng tác của họ. Văn xuôi hiện thực 1940 – 1945 nổi bật với Phi Vân với nhiều trang viết theo kiểu đem nhiều vấn đề hiện thực vào ngay tác

phẩm mà ít có sự tinh lọc , chung cất . “ Về thể tài văn học , Phi Vân hình như chưa phân biệt rõ ranh giới giữa truyện ngắn truyện dài và phóng sự ” (Nguyễn Đăng Mạnh) . Sự chưa phân biệt rõ ràng phóng sự với các thể truyện ngắn , truyện dài này đã cho thấy khả năng thâm nhập vào ngôn ngữ tự sự của ngôn ngữ phóng sự trong tác phẩm Phi Vân . Bên cạnh Phi Vân , còn có thể cả đến Nguyễn Đình Lạp với các tiểu thuyết – phóng sự “Ngoại ô” và “Ngõ hẻm”. Ngôn ngữ các tác phẩm Nguyễn Đình Lạp đậm chất phóng sự qua việc miêu tả khá chắc lọc những biến cố , sự kiện về cuộc đời các nhân vật từ những trang phóng sự của ông như : “*Thanh niên truy lạc*” , “*Những vụ án tình*” , “*Ngoại tình*” và qua cách viết với những số liệu : “*Ở chợ Rền có tới 50 nhà làm nghề giò chả cứ tính nhẩm từ trang ngõ Vạn Thái chạy ra hai dãy phố mười gian người ta đếm được vừa đúng 43 nhà cô đầu*” (Ngoại ô) . Ngôn ngữ phóng sự trong các tác phẩm này đã làm giàu thêm tính chất dung nạp của ngôn ngữ văn xuôi 1940 – 1945 .

Nhưng dù sao thì ngôn ngữ thể tự truyện và thể tiểu thuyết phóng sự vẫn là hình thức ngôn ngữ của thể loại tự sự . Đáng chú ý hơn là việc xuất hiện các hình thức ngôn ngữ hoàn toàn không có nguồn gốc từ thể tự sự : ngôn ngữ thơ , ngôn ngữ kịch .

Khi nhận xét về những nét đặc sắc của văn xuôi hiện thực 1940 -- 1945 , Nguyễn Đăng Mạnh khẳng định : “*Trước hết , nhiều tác phẩm hiện thực thuộc thời kỳ này mang nhiều màu sắc trữ tình đậm nét*” (Khảo luận VXHT 1940 – 1945) . Chính nét trữ tình này đã qui định một đặc điểm của ngôn ngữ văn xuôi hiện thực 1940 – 1945 : sự xuất hiện khá nhiều yếu tố thuộc về hình thức ngôn ngữ thơ .

Văn xuôi hiện thực 1940 – 1945 đã xuất hiện hàng loạt tác phẩm tự truyện cũng như các tác phẩm viết về các nội tâm gần gũi với bản thân các nhà văn , điều này không phải là ngẫu nhiên . “*Phải chăng không phản ánh được nhiều về đời sống bên ngoài đời sống xã hội khách quan , các nhà văn phải hướng vào bên trong , lấy ngay “hiện thực nội tâm” của mình làm chất liệu ?*” . (Nguyễn Đăng Mạnh , Khảo luận VXHT 1940 – 1945)

Điều đáng quý là qua những câu chuyện tưởng như riêng tư của tác giả , qua lăng kính nội tâm của tác giả , chúng ta vẫn thấy được số phận của những con người và những vấn đề xã hội rộng lớn . Cho nên kể về mình , nói trực tiếp những điều về mình nhưng lại chẳng hề riêng mà chan chứa cái chung .

Đi sâu vào miêu tả tâm trạng của mình của những nhân vật hoàn toàn mang bóng dáng của mình nên viết về họ thực ra cũng là kể về mình , các nhà văn hiện thực 1940 –

1945 đã sử dụng một hình thức ngôn ngữ hoàn toàn xa lạ với ngôn ngữ tự sự truyền thống : ngôn ngữ miêu tả tâm trạng – ngôn ngữ của thể loại trữ tình .

Hơn nữa , khi viết về những vấn đề của cuộc sống các nhà văn luôn viết với một trái tim thối thức , rung cảm ; cho nên ngôn ngữ của họ lúc này vẫn là ngôn ngữ của những cảm xúc – một loại ngôn ngữ trữ tình .

Nhiều khi tác giả đang đứng ở vị trí người dẫn chuyện bỗng nhảy ra ngoài mà tâm sự . “ *Di Hào ơi ! Tôi nhớ cái ngày đi đi lấy chồng , đấy là một ngày có sương bay*” (Di Hào – Nam Cao) , “ *Lão Hạc ơi ! Lão hãy yên lòng nhắm mắt ! Lão đừng lo gì cái vườn của lão . Tôi sẽ cố giữ gìn cho Lão*” (Lão Hạc – Nam Cao) . “ *Vậy thì anh Phúc ơi ! Anh hãy nghĩ cho yên ! Những truyện đời bây giờ chỉ còn là của chúng tôi*” . (Điều văn – Nam Cao) . Đây hoàn toàn là ngôn ngữ của thể loại “ *trình diễn*” chính tâm tư của mình .

Bên cạnh hình thức ngôn ngữ trữ tình như trên , một vài trường hợp chúng ta nghe tiếng nói của ngôn ngữ kịch trong một số tác phẩm văn xuôi hiện thực 1940 – 1945 .

Nam Cao là người đã đem vào tác phẩm của mình những tiếng nói mang khá nhiều yếu tố ngôn ngữ kịch . Trong hàng loạt tác phẩm viết khá thành công về người trí thức tiểu tư sản như : “ *Trăng sáng*” , “ *Đời thừa*” , “ *Sống mòn*” , chúng ta hoàn toàn chỉ nghe có tiếng nói của nhân vật , nhân vật độc thoại một mình rồi nhân vật đối thoại với nhau ; tác phẩm đầy những chiêm nghiệm và suy tư , những trao đổi và đàm đạo . . . của nhân vật . Tiếng nói tác giả chỉ ở chỗ đưa câu chuyện vào mạch tự sự và sau đó trao hẳn cho nhân vật và tác phẩm chỉ có tiếng nói của nhân vật .

Tác phẩm “ *Đứa con*” của Đỗ Đức Thu , “ *Gia đình*” của Hướng Minh cũng xuất hiện khá nhiều hình thức ngôn ngữ độc thoại và tự đối thoại tuy chưa đạt được đến trình độ như ở “ *Sống mòn*” và hàng loạt sáng tác khác của Nam Cao . Rõ ràng , hình thức ngôn ngữ kịch đã xuất hiện ở văn xuôi hiện thực 1940 – 1945

Sự chứa đựng ngôn ngữ thơ , ngôn ngữ kịch và ngôn ngữ các thể tự truyện , phóng sự hồi ký trong ngôn ngữ tự sự là một nét mới mẻ của văn xuôi hiện thực 1940 – 1945 . Tuy nhiên , đầu sao thì các thể loại này cũng là những thể loại nghệ thuật . Độc đáo hơn là việc đưa vào ngôn ngữ tự sự ngôn ngữ những thể loại chẳng có liên quan gì đến nghệ thuật – những loại ngôn ngữ phi nghệ thuật .

Sự xuất hiện “ *ngôn ngữ phi nghệ thuật*” trong tác phẩm văn xuôi hiện thực 1940 – 1945 khá đa dạng . Việc đưa các ngôn ngữ nghề nghiệp , ngôn ngữ địa phương , ngôn ngữ

nhều tầng lớp người khác nhau trong xã hội vào trong tác phẩm văn xuôi hiện thực 1940 – 1945 là những biểu hiện của việc dung nạp tiếng nói ngoài cuộc đời vào trong tác phẩm.

Bên cạnh những loại ngôn ngữ ngoài cuộc đời đem vào tác phẩm, các nhà văn hiện thực còn mạnh dạn đem một số dạng ngôn ngữ của những thể loại phi nghệ thuật khác vào tác phẩm. Nổi bật nhất là đem vào tác phẩm tự sự cách viết của phong cách chính luận. Nam Cao, Nguyễn Hồng và Tô Hoài thật đặc sắc với đặc điểm này.

“Từ sau năm 1940, nhất là từ khi tham gia tổ chức Văn hóa cứu quốc bí mật, tính chất luận chiến nổi lên rất rõ trong tác phẩm Nguyễn Hồng” (Tuyển tập Nguyễn Hồng tập I, Nguyễn Đăng Mạnh). Thời kỳ này, Nguyễn Hồng thường phê phán lối sống cá nhân chủ nghĩa, phê phán quan điểm sáng tác của nhà văn lãng mạn, khẳng định niềm tin vào ngày mai. Ngôn ngữ chính luận xuất hiện thường xuyên trong tác phẩm nhà văn chính là để thể hiện những lời phê phán và niềm tin của Nguyễn Hồng.

Đọc lại các tác phẩm như “Cái bào thai”, “Hai giòng sữa”, “Một trưa nắng”, “Ngồi lủ”... chúng ta nghe những tuyên ngôn về nghệ thuật “Không phải chỉ để riêng mình mà âm nhạc nảy lên còn để cho đoàn thể. Đó là cái âm nhạc đã tiêu biểu những đặc sắc của một dĩ vãng hát hủi, một sức sống bất diệt của một dân tộc trong những chặng đường lịch sử nguy nan, tối tăm, một làn sinh khí bốc trên những mặt đất đầm mồ hôi nước mắt của đám dân ấy”. Đặt trong hoàn cảnh những năm 1940 thì những lời nói mang màu sắc tranh luận trên thật có ý nghĩa.

Tác phẩm Nam Cao chứa đựng khá nhiều yếu tố: “Văn Nam Cao gần như có đủ các chất liệu: hài và bi, trào phúng và chính luận, triết lí và trữ tình.” (Nam Cao – Văn và đời, Phong Lê). Tính chất triết lí trong tác phẩm Nam Cao là một đặc điểm khá nổi bật. Chính chất triết lí trải dài thấm đượm khá nhiều trang viết của nhà văn đã tạo thêm chất chính luận cho ngôn ngữ tự sự Nam Cao. Những nhân vật của Nam Cao thường hay xuất hiện trong trang sách với những ngẫm suy. Sự việc, câu chuyện và con người đều toát lên chất liệu ngẫm suy.

“Sống là để làm một cái gì đẹp hơn nhiều, cao quý hơn nhiều. Mỗi người sống, phải làm thế nào cho phát triển đến tận độ những khả năng của loài người chứa đựng ở trong mình. Phải gom góp sức lực của mình vào công việc tiến bộ chung. Mỗi người chết đi, phải để lại một chút gì cho nhân loại” (Sống mòn).

So với Nam Cao và Nguyên Hồng , Tô Hoài không thể hiện nhiều chất chính luận trong tác phẩm . Tuy nhiên , so với một số cây bút hiện thực đương thời thì tính chính luận trong tác phẩm của ông vẫn xuất hiện những lúc nhân vật ước mơ tự do , khát khao tình yêu đất nước , thầm kín lí tưởng cộng sản chủ nghĩa . “*Những cái gì bực tức được gạt bỏ . Trong khoảng mênh mông xanh rờn kia sẽ phủ một không khí tốt lành và tự do . Trái đất chín nẫu này quẫy cựa dưới một mặt trời thui người , đang chờ một trận mưa sung sướng . Xưa nay , cái bài hát đang hát nhất là bài hát giục lên đường . Nhưng lên đường đi đâu ? Tuổi trẻ của chúng bây giờ đi đâu ? Đi đâu ? Cát bước trong một buổi sớm mai , nhắm cái phía chân trời mới đỏ thắm màu hi vọng , những người thanh niên bốn phương của đất nước !*” (Xóm giếng ngày xưa) .

Bài viết đã dừng lại sự dung nạp ngôn ngữ khá nhiều thể loại vào trong ngôn ngữ tự sự của văn xuôi hiện thực 1940 –1945 . Từ ngôn ngữ các thể loại tự sự như tự truyện , phóng sự cho đến ngôn ngữ các thể loại khác như : kịch , thơ ; từ ngôn ngữ các thể loại nghệ thuật cho đến ngôn ngữ các thể loại phi nghệ thuật như những tiếng nói ngoài cuộc đời , ngôn ngữ chính luận , tất cả đều đã đi vào tác phẩm văn xuôi hiện thực 1940 –1945 .

Sự xuất hiện ngôn ngữ các thể loại khác nhau trong ngôn ngữ thể loại tự sự hiện thực 1940 –1945 đã làm thay đổi gương mặt truyền thống của tự sự dân tộc đồng thời đã tạo cho ngôn ngữ tự sự dân tộc có thêm những sức sống mới . Đây cũng là một dấu hiệu cho thấy sự phát triển của ngôn ngữ tự sự dân tộc .

### **The Synthesis Of Many Different Language Styles In Realistic Prose In Period From 1940 To 1945**

**Vu Khắc Chuong**

#### **ABSTRACT**

The synthesis of many different language styles in realistic prose in period from 1940 to 1945

There are pretty of different language styles in realistis prose in period from 1940 to 1945 is a fairly special phenomenon.

The language of realistis literature in period from 1940 to 1945 contains the language of art styles. That are similar to artistic narrative style autobiography and reportage languages of narrative style. It also includes the languages of rather strange styles to narrative style such as poetical and dramatic language.

Besides, there are languages of non-art styles is those of realistic literature. That is language of the political commentary. It is also street language and popular me.

The synthesis of many different styles in realistic prose at the strange of 1940 – 1945 denotes that national realistic language has developed and had modernized.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] LẠI NGUYỄN ÂN. *150 thuật ngữ văn học*. Nxb Đại học Quốc gia. Hà nội, (1999).
- [2] M..BAKHTIN. *Lí luận và thi pháp tiểu thuyết*. Trường viết văn Nguyễn Du. Hà nội, (1992).
- [3] M.BAKHTIN. *Những vấn đề thi pháp Đôxtôiexki*. Nxb Giáo dục, (1993).
- [4] ĐẶNG ANH ĐÀO. *Đổi mới nghệ thuật tiểu thuyết phương Tây hiện đại*. Nxb Giáo dục. Hà nội, (1995).
- [5] PHAN CỰ ĐỆ. *Tiểu thuyết Việt nam hiện đại . Tập 1, Tập 2*. Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp. Hà nội, (1978).
- [6] MILAN KUNDERA. *Nghệ thuật tiểu thuyết*. Nxb Đà Nẵng, (1998).
- [7] G.N.PÔXPÊLÔP. *Dẫn luận nghiên cứu văn học*. Nxb Giáo dục, Hà nội, (1998).
- [8] LÊ NGỌC TRÀ. *Lý luận và Văn học*. Nxb Trẻ . Thành phố Hồ Chí Minh, (1992 ).
- [9] **Tuyển tập các tác giả văn xuôi hiện thực 1940 – 1945.**